

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Đợt 03)
Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng
Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai số ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 13/TTr-HĐBTGPMB ngày 21/10/2022 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng ngày 21/10/2022 thông qua Phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết đợt 03).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 03) để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **686.623.029 đồng** (Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn, không trăm hai mươi chín đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 671.842.494 đồng.

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 13.699.350 đồng.

c) Chi phí dự phòng cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất: 1.343.685 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách nhà nước.

3. Nội dung chi tiết: Chi tiết theo phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 03) kèm theo Tờ trình số 13/TTr-HĐBTGPMB ngày 21/10/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1:
TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB (Đợt 03)
Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng
khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.
Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

DVT: Đồng

| TT | HỌ, TÊN CHỦ HỘ | BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT | BÒI THƯỜNG VỀ NHÀ | BÒI THƯỜNG VỀ VKT | BÒI THƯỜNG VỀ CÂY TRỒNG | BÒI THƯỜNG MỎ MẢ | HỖ TRỢ KHÁC VÀ THƯỜNG TIẾN ĐỘ | TỔNG CỘNG | GHI CHÚ |
|----------|---|---------------------------|-------------------|-------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|---------|
| 1 | Võ Văn Đồng | | | | | 32.807.385 | | 32.807.385 | |
| 2 | Võ Minh Thế | | | | | 39.056.160 | | 39.056.160 | |
| 3 | Nguyễn Văn Cư | | | | | 37.028.078 | | 37.028.078 | |
| 4 | Nguyễn Thành Công | | | | | 42.471.262 | | 42.471.262 | |
| 5 | Phạm Đức Hoan | | | | | 47.168.808 | | 47.168.808 | |
| 6 | Võ Văn Hùng | | | | | 83.050.825 | | 83.050.825 | |
| 7 | Nguyễn Văn Thanh | | | | | 6.687.000 | | 6.687.000 | |
| 8 | Lê Thanh Hùng | | | | | 82.382.389 | | 82.382.389 | |
| 9 | Huỳnh Thị Sinh | | | | | 42.949.671 | | 42.949.671 | |
| 10 | Đỗ Thành Ư | | | | | 58.476.520 | | 58.476.520 | |
| 11 | Đỗ Văn Tài | | | | | 175.416.396 | | 175.416.396 | |
| 12 | Nguyễn Hoài Duy | | | | | 24.348.000 | | 24.348.000 | |
| | TỔNG CỘNG | 0 | 0 | 0 | 0 | 671.842.494 | 0 | 671.842.494 | |
| A | TỔNG GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: | | | | | | | 671.842.494 | |
| B | CHI PHÍ GPMB (2% A): | | | | | | | 13.436.850 | |
| C | CHI PHÍ DỰ PHÒNG CƯỜNG CHẾ KIỂM ĐỂM VÀ CƯỜNG CHẾ THU HỒI ĐẤT (10% B) | | | | | | | 1.343.685 | |
| D | TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB | | | | | | | 686.623.029 | |

Phụ lục 02:
DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT (ĐỢT 03)
Dự án: Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng khu tái
định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/10/2022 của UBND tỉnh)

| TT | HỌ, TÊN CHỦ HỘ | ĐỊA CHỈ | GHI CHÚ |
|------------------|-----------------------|--|--------------------|
| 1 | Võ Văn Đồng | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 32.807.385 |
| 2 | Võ Minh Thế | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 39.056.160 |
| 3 | Nguyễn Văn Cư | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 37.028.078 |
| 4 | Nguyễn Thành Công | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 42.471.262 |
| 5 | Phạm Đức Hoan | Thị trấn Tuy Phước | 47.168.808 |
| 6 | Võ Văn Hùng | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 83.050.825 |
| 7 | Nguyễn Văn Thanh | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 6.687.000 |
| 8 | Lê Thanh Hùng | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 82.382.389 |
| 9 | Huỳnh Thị Sinh | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 42.949.671 |
| 10 | Đỗ Thành U' | Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận | 58.476.520 |
| 11 | Đỗ Văn Tài | Thôn Quảng Vân - xã Phước Thuận | 175.416.396 |
| 12 | Nguyễn Hoài Duy | Tổ 9, KV2, Phường Đống Đa, Tp. Quy Nhơn | 24.348.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 671.842.494 |